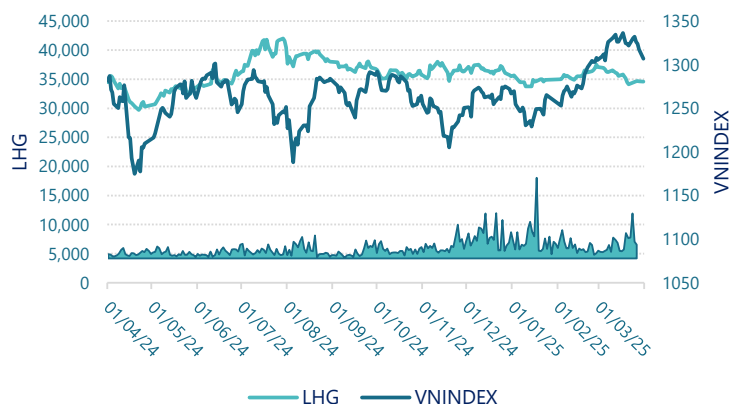


CTCP Long Hậu (HSX: LHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,710
SL cổ phiếu LH	50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)	86,030
% sở hữu nước ngoài	12.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,730
P/E	6.6
EPS	5,248

DT thuần

Q1/25

234

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 139 | 147%

YoY: ▲ 158 | 207%

LN sau thuế

Q1/25

110

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 65.2 | 146%

YoY: ▲ 78.5 | 249%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

59.1%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

2024

423

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0 | 7.2%

LN sau thuế

2024

187

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.0 | 12.8%

ROE

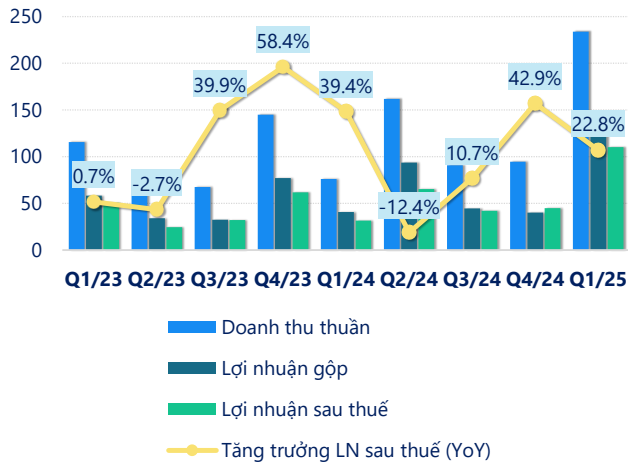
2024

11.5%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

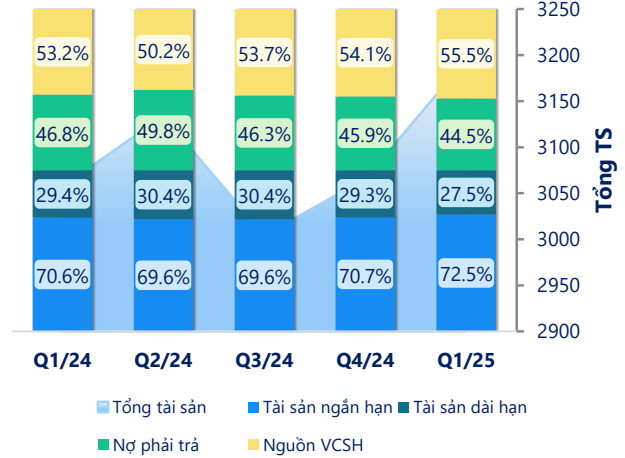
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

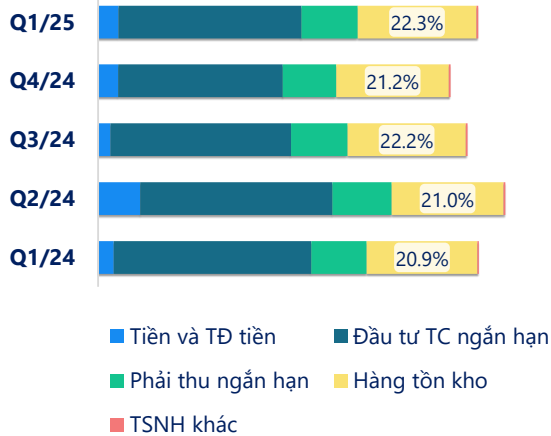
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



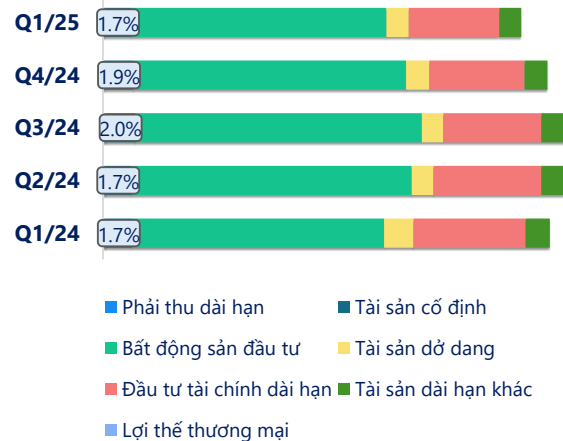
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

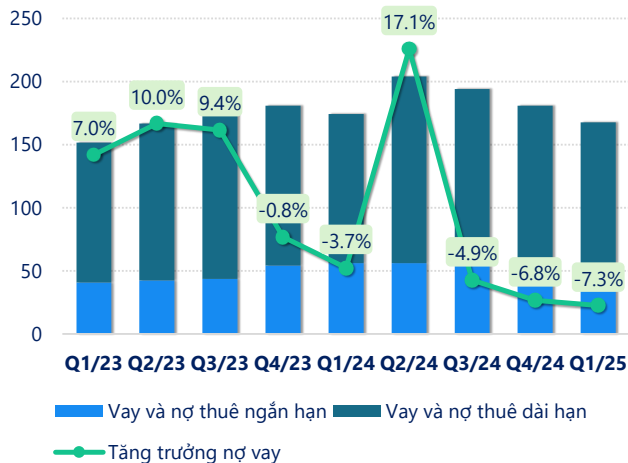
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

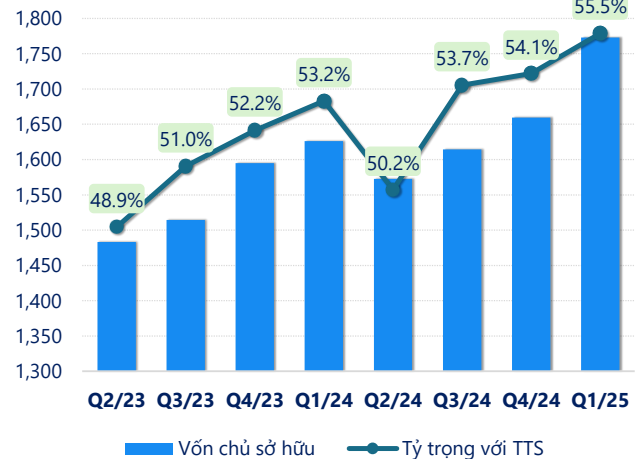
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

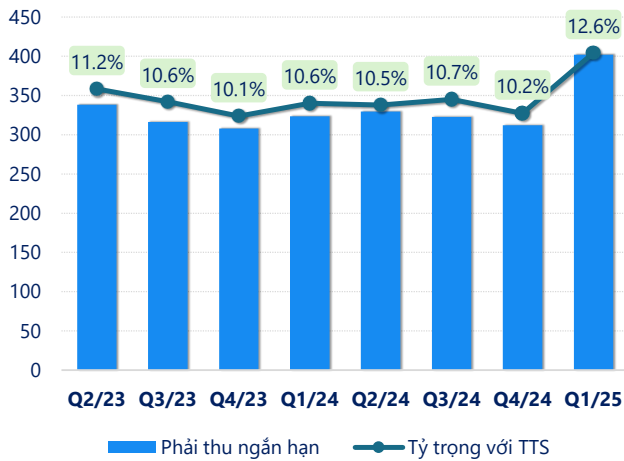
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



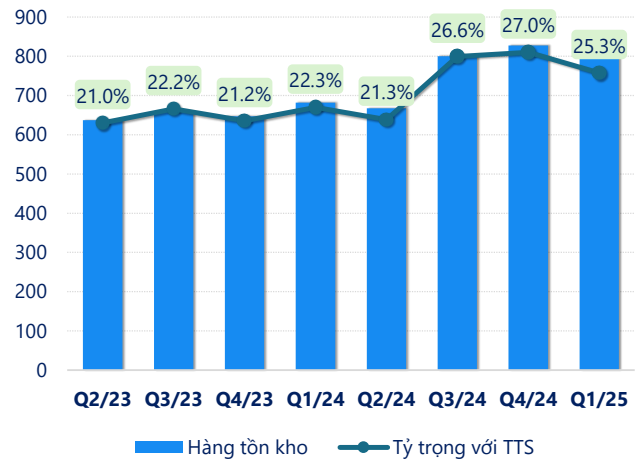
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


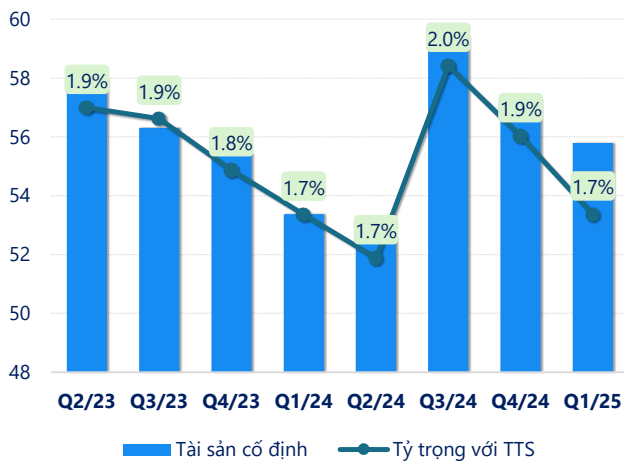
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


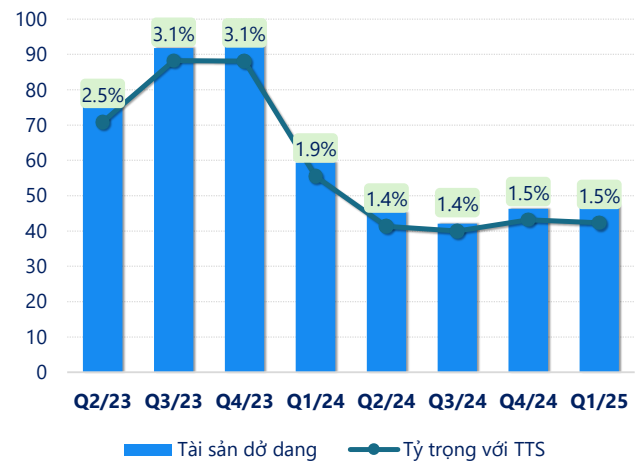
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

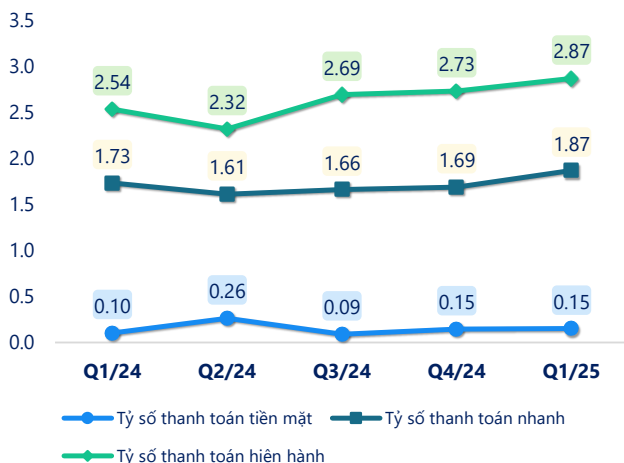
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	3,057	3,134	3,005	3,066	3,195
Tài sản ngắn hạn	2,158	2,182	2,090	2,168	2,316
Tiền và tương đương tiền	89.3	247	69.6	116	122
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,052	928	885	900	970
Phải thu ngắn hạn	323	329	323	312	402
Hàng tồn kho	682	667	800	828	807
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	10.6	12.2	13.4	14.4
Tài sản dài hạn	899	951	914	897	880
Phải thu dài hạn	5.23	5.23	5.23	3.81	3.81
Tài sản cố định	53.4	52.6	59.4	57.3	55.8
Bất động sản đầu tư	507	579	566	551	536
Tài sản dở dang	59.4	45.3	42.1	46.3	47.3
Đầu tư tài chính dài hạn	225	222	194	192	190
Tài sản dài hạn khác	48.9	47.2	47.8	46.6	45.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,431	1,561	1,390	1,406	1,422
Nợ ngắn hạn	851	940	776	794	807
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.2	56.2	54.9	54.9	55.8
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	37.4	26.3	30.4	25.5
Nợ dài hạn	580	621	614	613	615
Vay và nợ thuê dài hạn	118	148	139	126	112
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,626	1,572	1,615	1,659	1,773
Vốn chủ sở hữu	1,626	1,572	1,615	1,659	1,773
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)